

**Phụ lục 2: DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 11 (2015 - 2019) ĐỢT 1 THÁNG 6 NĂM 2019 - ĐÀO TẠO TẠI HÀ NỘI
Ngành: Công tác xã hội**

(Kèm theo Quyết định số: 1169 /QĐ - ĐHLĐXH, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1111040001	Dương Thị Hồng Anh	Nữ	D11CT1	26/04/1997	Hà Tĩnh	3.06	Khá	
2	1111040026	Lê Hoàng Thúy Hạnh	Nữ	D11CT1	04/06/1997	Hòa Bình	3.02	Khá	
3	1111040027	Trần Thị Hào	Nữ	D11CT1	19/07/1997	Sơn La	2.7	Khá	
4	1111040022	Ngô Thúy Hằng	Nữ	D11CT1	26/06/1997	Hòa Bình	2.66	Khá	
5	1111040024	Quảng Thị Hằng	Nữ	D11CT1	10/10/1997	Sơn La	2.77	Khá	
6	1111040039	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	D11CT1	26/05/1997	Hà Nội	3.47	Giỏi	
7	1111040043	Trần Thị Lý	Nữ	D11CT1	21/03/1997	Thái Bình	2.67	Khá	
8	1111040045	Nguyễn Thị Phương Mai	Nữ	D11CT1	24/07/1997	Phú Thọ	2.82	Khá	
9	1111040048	Trần Thị Nga	Nữ	D11CT1	24/03/1997	Tuyên Quang	2.95	Khá	
10	1111040052	Trịnh Minh Ngọc	Nữ	D11CT1	27/03/1997	Phú Thọ	2.71	Khá	
11	1111040054	Đinh Thị Hồng Nhung	Nữ	D11CT1	25/01/1997	Bắc Kạn	2.96	Khá	
12	1111040059	Triệu Như Quỳnh	Nữ	D11CT1	13/05/1997	Bắc Kạn	3.19	Khá	
13	1111040065	Đoàn Thị Thu Thủy	Nữ	D11CT1	27/07/1996	Quảng Ninh	3.12	Khá	
14	1111040066	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	D11CT1	19/09/1997	Hà Nội	2.61	Khá	
15	1111040078	Hà Thị Trang	Nữ	D11CT1	04/07/1996	Thanh Hóa	2.67	Khá	
16	1111040068	Trần Thị Trinh	Nữ	D11CT1	01/05/1996	Cao Bằng	2.68	Khá	
17	1111040079	Vi Thị Tươi	Nữ	D11CT1	20/06/1996	Thanh Hóa	2.77	Khá	
18	1111040070	Phạm Thị Vân	Nữ	D11CT1	08/10/1997	Hà Nội	2.7	Khá	
19	1111040072	Thiều Thị Hồng Vân	Nữ	D11CT1	15/11/1997	Thanh Hóa	2.96	Khá	
20	1111040163	Lê Thị Lam Chiêu	Nữ	D11CT2	10/05/1996	Thanh Hóa	2.82	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
21	1111040090	Nguyễn Thị Quỳnh Duyên	Nữ	D11CT2	17/04/1997	Lào Cai	2.94	Khá	
22	1111040094	Đặng Thị Thu Hằng	Nữ	D11CT2	11/02/1996	Nam Định	2.79	Khá	
23	1111040097	Ngô Phương Hiền	Nữ	D11CT2	11/09/1997	Hà Nội	2.98	Khá	
24	1111040108	Trần Khánh Huyền	Nữ	D11CT2	06/04/1997	Nghệ An	2.88	Khá	
25	1111040116	Nguyễn Thị Loan	Nữ	D11CT2	19/01/1997	Hà Nam	2.92	Khá	
26	1111040119	Khuất Thị Luận	Nữ	D11CT2	10/07/1997	Hà Nội	2.74	Khá	
27	1111040125	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	D11CT2	19/01/1997	Lai Châu	3.47	Giỏi	
28	1111040142	Phạm Ngọc Thủy	Nam	D11CT2	08/02/1997	Lào Cai	3.03	Khá	
29	1111040144	Bùi Huyền Trang	Nữ	D11CT2	12/08/1997	Hòa Bình	3.15	Khá	
30	1111040152	Quách Thị Thu Uyên	Nữ	D11CT2	06/11/1997	Hưng Yên	2.8	Khá	
31	1111040155	Phùng Thị Hồng Vân	Nữ	D11CT2	25/08/1997	Tuyên Quang	2.79	Khá	
32	1111040170	Phan Lan Anh	Nữ	D11CT3	17/02/1996	Hà Nội	2.73	Khá	
33	1111040172	Hoàng Thị Biền	Nữ	D11CT3	19/07/1997	Cao Bằng	2.67	Khá	
34	1111040178	Phan Thị Dung	Nữ	D11CT3	14/06/1997	Thanh Hóa	2.85	Khá	
35	1111040181	Đỗ Thị Duyên	Nữ	D11CT3	13/10/1997	Hà Nội	3.23	Giỏi	
36	1111040184	Lê Đàm Thu Huệ	Nữ	D11CT3	01/09/1996	Ninh Bình	3.4	Giỏi	
37	1111040187	Phạm Ninh Hương	Nữ	D11CT3	15/11/1997	Quảng Ninh	2.82	Khá	
38	1111040199	Đỗ Phương Mai	Nữ	D11CT3	03/11/1997	Thái Nguyên	2.98	Khá	
39	1111040203	Nguyễn Trần Hoàng Nam	Nam	D11CT3	01/06/1997	Hải Dương	2.57	Khá	
40	1111040205	Trần Thị Nguyệt	Nữ	D11CT3	16/03/1997	Ninh Bình	2.95	Khá	
41	1111040207	Sên Thị Oai	Nữ	D11CT3	10/01/1996	Lào Cai	2.83	Khá	
42	1111040209	Lê Thị Thu Phương	Nữ	D11CT3	23/02/1997	Quảng Ninh	2.7	Khá	
43	1111040212	Cao Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	D11CT3	05/12/1997	Hà Tĩnh	2.74	Khá	
44	1111040213	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	D11CT3	25/12/1997	Hòa Bình	2.99	Khá	
45	1111040246	Hồ Y Súa	Nữ	D11CT3	12/07/1996	Nghệ An	2.94	Khá	
46	1111040219	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	D11CT3	15/08/1996	Thanh Hoá	2.78	Khá	
47	1111040217	Vi Diệu Thắng	Nữ	D11CT3	27/02/1997	Bắc Giang	2.99	Khá	
48	1111040223	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	D11CT3	22/04/1997	Hà Nội	2.97	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
49	1111040224	Vũ Thị Thúy	Nữ	D11CT3	20/06/1997	Phú Thọ	3.15	Khá	
50	1111040229	Lê Thị Trang	Nữ	D11CT3	25/12/1997	Thanh Hóa	2.68	Khá	
51	1111040231	Nguyễn Thu Trang	Nữ	D11CT3	18/03/1997	Hà Nội	3.08	Khá	
52	1111040234	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	D11CT3	23/12/1996	Ninh Bình	2.5	Khá	
53	1111040237	Phạm Thanh Tùng	Nam	D11CT3	24/02/1997	Hải Dương	2.48	Trung bình	
54	1111040239	Tạ Thị Vương	Nữ	D11CT3	22/01/1997	Lào Cai	2.86	Khá	
55	1111040247	Bùi Thị Dương Anh	Nữ	D11CT4	10/07/1997	Thanh Hoá	3.12	Khá	
56	1111040251	Hứa Văn Bảo	Nam	D11CT4	14/02/1997	Bắc Kạn	2.49	Trung bình	
57	1111040253	Tần Mỹ Chài	Nữ	D11CT4	28/08/1997	Lai Châu	2.75	Khá	
58	1111040254	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	D11CT4	24/06/1996	Quảng Ninh	2.78	Khá	
59	1111040256	Lò Thị Chím	Nữ	D11CT4	06/07/1997	Lai Châu	2.69	Khá	
60	1111040263	Hoàng Thu Hà	Nữ	D11CT4	15/02/1997	Bắc Kạn	3.12	Khá	
61	1111040265	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	D11CT4	18/09/1997	Hải Phòng	2.87	Khá	
62	1111040267	Vũ Thị Hằng	Nữ	D11CT4	23/10/1997	Hung Yên	3.24	Giỏi	
63	1111040269	Lò Thị Hoa	Nữ	D11CT4	05/09/1997	Điện Biên	2.53	Khá	
64	1111040270	Phạm Thị Hoa	Nữ	D11CT4	02/07/1997	Nghệ An	2.86	Khá	
65	1111040271	Phạm Thị Hoài	Nữ	D11CT4	07/11/1997	Hung Yên	2.89	Khá	
66	1111040273	Vũ Thị Hồng	Nữ	D11CT4	02/11/1997	Lào Cai	3.11	Khá	
67	1111040275	Trần Thị Huế	Nữ	D11CT4	06/11/1996	Bắc Kạn	2.74	Khá	
68	1111040278	Lương Thị Thu Hương	Nữ	D11CT4	28/03/1997	Yên Bái	2.82	Khá	
69	1111040284	Lương Thị Linh	Nữ	D11CT4	04/05/1997	Lào Cai	2.71	Khá	
70	1111040285	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	D11CT4	23/04/1997	Thanh Hoá	2.55	Khá	
71	1111040287	Phan Diệu Linh	Nữ	D11CT4	12/06/1997	Thanh Hoá	2.62	Khá	
72	1111040288	Trần Thị Linh	Nữ	D11CT4	14/04/1997	Lào Cai	2.71	Khá	
73	1111040292	Đỗ Thị Mận	Nữ	D11CT4	26/10/1997	Vĩnh Phúc	3.27	Giỏi	
74	1111040299	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	D11CT4	28/02/1997	Hà Nội	3.05	Khá	
75	1111040301	Trần Hồng Nhung	Nữ	D11CT4	25/09/1997	Nam Định	3	Khá	
76	1111040302	Ngô Quốc Phi	Nam	D11CT4	12/07/1997	Hà Nội	2.42	Trung bình	

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
77	1111040328	Triệu Thị Sen	Nữ	D11CT4	18/06/1996	Bắc Kạn	2.55	Khá	
78	1111040312	Phí Thị Thắm	Nữ	D11CT4	29/10/1997	Hà Nội	3.26	Giỏi	
79	1111040315	Đào Thu Thủy	Nữ	D11CT4	22/05/1996	Hưng Yên	2.82	Khá	
80	1111040318	Lê Quỳnh Trang	Nữ	D11CT4	30/04/1997	Lào Cai	2.93	Khá	
81	1111040321	Vũ Thị Minh Yến	Nữ	D11CT4	02/05/1997	Hà Nội	2.96	Khá	
82	1111040330	Kiều Thị Anh	Nữ	D11CT5	06/02/1997	Hà Nội	2.97	Khá	
83	1111040332	Phạm Tuấn Anh	Nam	D11CT5	08/01/1997	Hà Nội	3.31	Giỏi	
84	1111040335	Nông Thị Bắc	Nữ	D11CT5	22/07/1997	Lạng Sơn	2.83	Khá	
85	1111040339	Sầm Ngọc Chung	Nam	D11CT5	28/04/1996	Cao Bằng	2.57	Khá	
86	1111040345	Triệu Thị Hương Giang	Nữ	D11CT5	22/06/1997	Quảng Ninh	2.84	Khá	
87	1111040346	Lò Thị Hằng	Nữ	D11CT5	12/07/1997	Thanh Hóa	2.56	Khá	
88	1111040349	Đoàn Thị Hiền	Nữ	D11CT5	25/06/1997	Nam Định	2.67	Khá	
89	1111040412	Hoàng Văn Hợp	Nam	D11CT5	10/06/1996	Cao Bằng	2.88	Khá	
90	1111040355	Nguyễn Thị Hương	Nữ	D11CT5	13/01/1997	Hòa Bình	2.66	Khá	
91	1111040356	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	D11CT5	19/07/1997	Hưng Yên	3.15	Khá	
92	1111040357	Nông Thị Hường	Nữ	D11CT5	02/02/1997	Lạng Sơn	2.87	Khá	
93	1111040361	Phạm Thị Nhật Lệ	Nữ	D11CT5	07/06/1997	Nam Định	3.34	Giỏi	
94	1111040365	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	D11CT5	19/07/1997	Hà Nội	2.99	Khá	
95	1111040411	Đoàn Thị Loan	Nữ	D11CT5	06/02/1995	Cao Bằng	2.82	Khá	
96	1111040367	Vũ Thị Lương	Nữ	D11CT5	20/03/1997	Thái Bình	2.7	Khá	
97	1111040391	Trần Kim Thu	Nữ	D11CT5	09/01/1997	Ninh Bình	2.73	Khá	
98	1111040403	Nguyễn Thành Trung	Nam	D11CT5	09/08/1997	Hà Nội	3.08	Khá	
99	1111040409	Nguyễn Thị Tuấn	Nữ	D11CT5	10/01/1996	Hà Giang	2.71	Khá	
100	1111040413	Vũ Trường An	Nam	D11CT6	27/05/1997	Hà Nội	3.06	Khá	
101	1111040420	Vũ Minh Châu	Nữ	D11CT6	21/04/1997	Hà Nội	3.4	Giỏi	
102	1111040453	Trần Thị Thanh Mai	Nữ	D11CT6	16/06/1997	Ninh Bình	2.94	Khá	
103	1111040458	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	D11CT6	07/02/1997	Thanh Hoá	2.81	Khá	
104	1111040490	Đàm Thị Lệ Thu	Nữ	D11CT6	18/09/1996	Cao Bằng	2.72	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
105	1111040470	Vi Thị Thuận	Nữ	D11CT6	13/08/1997	Thanh Hóa	2.73	Khá	
106	1111040477	Cần Thị Thùy Trang	Nữ	D11CT6	09/11/1997	Hà Nội	2.62	Khá	
107	1111040480	Nông Thị Huyền Trang	Nữ	D11CT6	13/03/1997	Cao Bằng	2.85	Khá	
108	1111040481	Phạm Huyền Trang	Nữ	D11CT6	25/01/1997	Thái Bình	3.09	Khá	

Danh sách này có 108 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Giỏi	10 sinh viên;
Khá	95 sinh viên;
Trung bình	3 sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng

